

Số: 52/ĐC - HA

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 02 năm 2020

UBND TỈNH THANH HÓA

CÔNG VĂN ĐẾN

Số:.....5272.....

Ngày:../../..

THÔNG BÁO

“XV: Đính chính thông tin đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Nga Văn huyện Nga Sơn”

Theo Quyết định số 150/QĐ – UBND ngày 31/01/2020 của UBND huyện Nga Sơn về việc đính chính Điều 1 Quyết định số 1454/QĐ – UBND ngày 31/12/2018 của UBND huyện Nga Sơn về việc phê duyệt các mức giá khởi điểm để đấu giá QSD đất ở đợt 3 năm 2018 gồm 58 lô đất khu dân cư (Tây nhà máy may WNNES VINA) xã Nga Văn, huyện Nga Sơn. Công ty chúng tôi xin đính chính mục 4 của thông báo số 37/TBĐG – HA ngày 03/02/2020 như sau:

Tại mục 4 “Giá khởi điểm để tổ chức đấu giá” ghi:

Các lô đất có giá khởi điểm từ 211.680.000 đồng/lô đến 440.400.000 đồng/lô.

Nay đính chính lại:

Các lô đất có giá khởi điểm từ 210.000.000 đồng/lô đến 440.400.000 đồng/lô. *(Chi tiết có phụ lục giá sàn kèm theo)*

Các nội dung khác giữ nguyên theo thông báo số 37/TBĐG – HA ngày 03/02/2020.

Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa đăng tải nội dung này lên cổng thông tin điện tử.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa
- UBND huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga Văn;
- Khách hàng
- Lưu hồ sơ

GIÁM ĐỐC



Hoàng Anh Trung

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

Chi tiết giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở đợt 3 năm 2018
gồm 58 lô đất khu dân cư (Tây nhà máy may WNNES VINA)

xã Nga Văn, huyện Nga Sơn

(Thuộc MBQH chi tiết số 4843/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 tỷ lệ 1/500)

(Kèm theo Quyết định số: 1454/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 của UBND huyện)

STT	Vị Trí khu đất	Lô số	Diện tích	Đơn giá	Giá khởi điểm	Đặt trước
			(m2)	(đồng/m2)	(đồng/lô)	
1	Đầu ve	141	141	3,000,000	423,000,000	50,000,000
2		142	119	2,500,000	297,500,000	40,000,000
3		143	117	2,500,000	292,500,000	40,000,000
4		144	115	2,500,000	287,500,000	40,000,000
5		145	135.6	2,500,000	339,000,000	40,000,000
6		146	132.9	2,500,000	332,250,000	40,000,000
7	Đầu ve	147	146.8	3,000,000	440,400,000	50,000,000
8		148	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
9		149	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
10		150	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
11		151	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
12		152	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
13		153	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
14		154	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
15		155	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
16		156	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
17		157	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
18		158	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
19		159	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
20		160	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
21		161	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
22		162	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
23		163	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
24		164	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
25		165	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
26		166	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
27		167	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
28		168	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000
29		169	100	2,300,000	230,000,000	30,000,000



30	Đầu ve	170	131.1	2,760,000	361,836,000	50,000,000
31		171	109.3	2,100,000	229,530,000	30,000,000
32		172	105.8	2,100,000	222,180,000	30,000,000
33		173	102.3	2,100,000	214,830,000	30,000,000
34		174	118.2	2,100,000	248,220,000	30,000,000
35		175	113.4	2,100,000	238,140,000	30,000,000
36	Đầu ve	176	84	2,520,000	211,680,000	30,000,000
37		177	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
38		178	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
39		179	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
40		180	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
41		181	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
42		182	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
43		183	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
44		184	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
45		185	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
46		186	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
47		187	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
48		188	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
49		189	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
50		190	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
51		191	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
52		192	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
53		193	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
54		194	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
55		195	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
56		196	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
57		197	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
58		198	100	2,100,000	210,000,000	30,000,000
	Tổng cộng		6071.4		13,818,566,000	1,850,000,000

